TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG HINH** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51/2018/QĐST-DS	*Sông Hinh, ngày 14 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 50/2015/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2015 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản" .

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Vợ chồng ông Bàn Văn T sinh năm 1966, bà Dương Thị D sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Kinh Tế 2, xã Ea Trol, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trịnh Bình T – Văn phòng luật sư Dân Ý thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên; địa chỉ: 247 Nguyễn Huệ, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn:

Vợ chồng ông Y T (Ma V), sinh năm 1962 bà Ksơr H Đ (Mí V), sinh năm 1969; địa chỉ: Buôn Zô, xã Ealy, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Vợ chồng LMô Y N, sinh năm 1980 bà Ksor Hờ D, sinh năm 1974; vợ chồng LMô Y K, sinh năm 1968 bà Hờ J, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: Buôn Dành A, xã EaBia, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Tâm H – Văn phòng luật sư Huy H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên; địa chỉ: 1/1A Trần Cao Vân, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Trong tổng diện tích 41.653,4m^2 tại thôn Kinh Tế 2, xã Eatrol, huyện

Sông Hinh, tỉnh Phú Yên (theo bản đồ trích đo và chỉnh lý hiện trạng khu đất số 01-2016 ngày 21/12/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Sông Hinh) được chia làm hai phần như sau: Phần diện tích 15.835,7m^2 giao cho vợ chồng ông Bàn Văn T bà Dương Thị D cụ thể: nối từ điểm 15 đến điểm 34; phần diện tích còn lại 25.817,7m^2 giao cho vợ chồng ông Y T bà Ksơr H Đ, vợ chồng ông Lmô Y N, bà Ksor Hờ D, vợ chồng ông Lmô Y K, bà Hờ J (kèm theo sơ đồ trích đo hiện trạng đất ngày 14/9/2018).

Về thời gian giao đất: Sau khi thu hoạch sắn (mì) xong, hạn cuối cùng là ngày 01/01/2019 vợ chồng ông Y T, bà Ksơr H Đ, vợ chồng ông Lmô Y N, bà Ksor Hờ D, vợ chồng ông Lmô Y K, bà Hờ J phải liên đới giao đủ diện tích đất 15.835,7m^2 cho vợ chồng ông Bàn Văn T, bà Dương Thị D.

- Về chi phí định giá, thẩm định tại chỗ, chi phí trích đo thửa đất tranh chấp: Tổng cộng 17.996.000 đồng, trong đó vợ chồng ông Bàn Văn T, bà Dương Thị D tự nguyện chịu 8.998.000 đồng được tính trừ vào số tiền tạm ứng là 17.996.000 đồng đã nộp. Vợ chồng ông Y T, vợ chồng ông Lmô Y N, vợ chồng ông Lmô Y K tự nguyện liên đới chịu 8.998.000 đồng. Như vậy, vợ chồng ông Y T, vợ chồng ông Lmô Y N, vợ chồng ông Lmô Y K mỗi vợ chồng phải nộp 2.999.333 đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) để hoàn trả cho vợ chồng ông Bàn Văn T, bà Dương Thị D số tiền tạm ứng còn thừa là 8.998.000 đồng (Tám triệu chín trăm chín mươi tám nghìn đồng).

- Về án phí:

Vợ chồng ông Bàn Văn T, bà Dương Thị D tự nguyện chịu 3.959.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, hộ ông Bàn Văn T là hộ cận nghèo có mã số CHF0608 được chính quyền địa phương xác nhận nên vợ chồng ông Bàn Văn T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn trả cho ông Bàn Văn T 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số số 0002587 ngày 20/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Vợ chồng ông Y T, vợ chồng ông Lmô Y N, vợ chồng ông Lmô Y K tự nguyện liên đới chịu 6.454.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (trong đó mỗi vợ chồng phải chịu 2.151.333 đồng). Tuy nhiên, hộ ông Lmô Y N và ông Lmô Y K là hộ nghèo, cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số sống ở các xã có điều kiện, kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp toàn bộ án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Riêng vợ chồng ông Y T bà Ksơr H Đ phải nộp 2.151.333 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi mốt nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- CCTHADS huyện Sông Hinh;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

BÙI CHÂU KHA